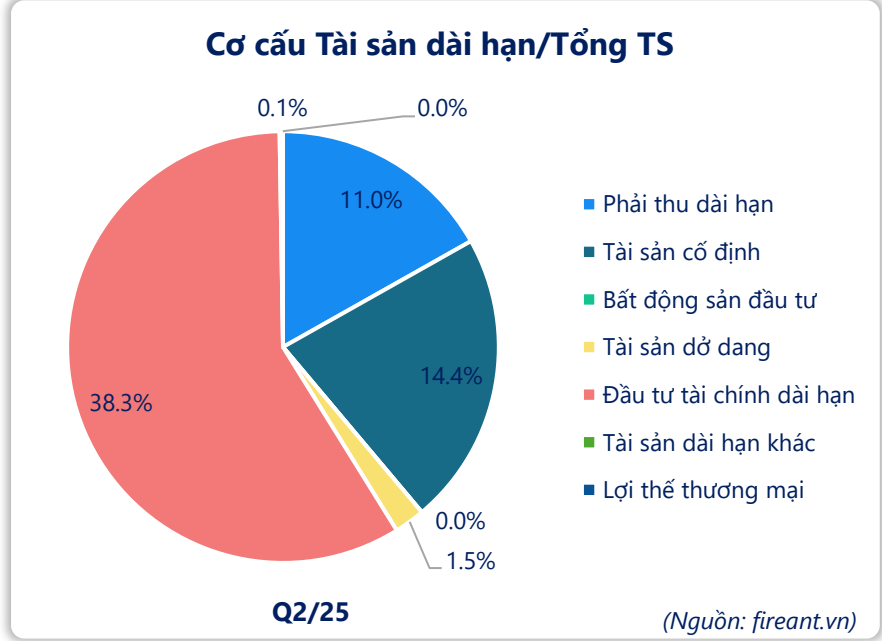
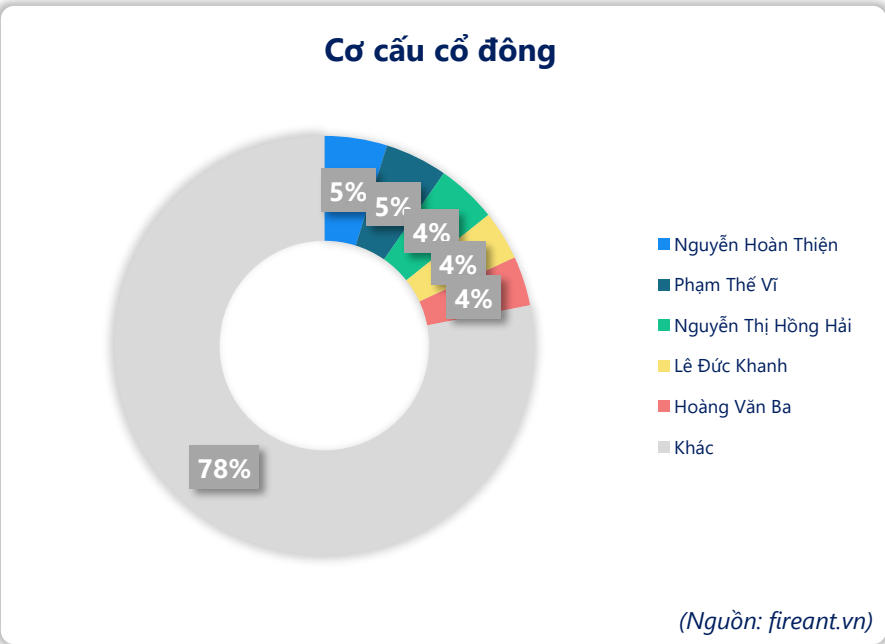
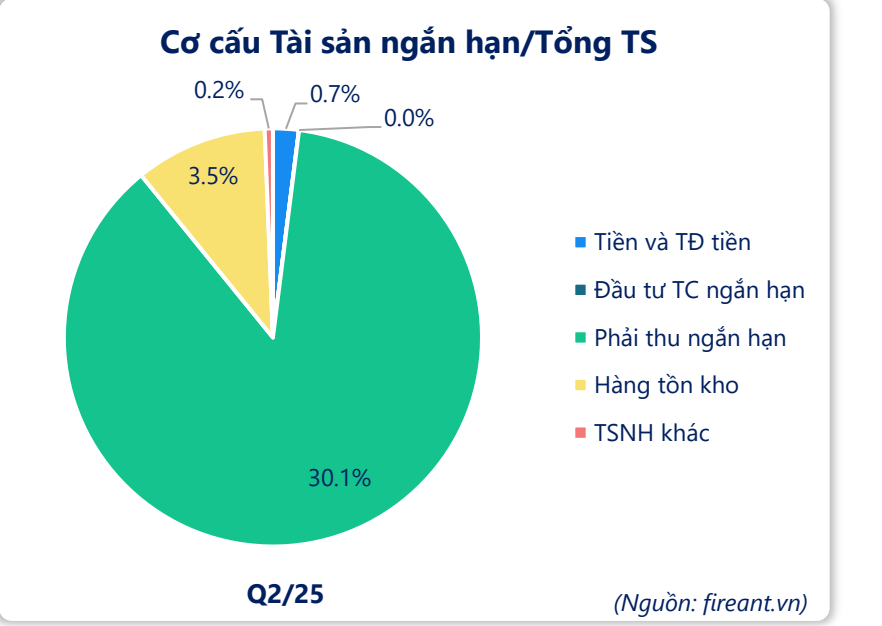
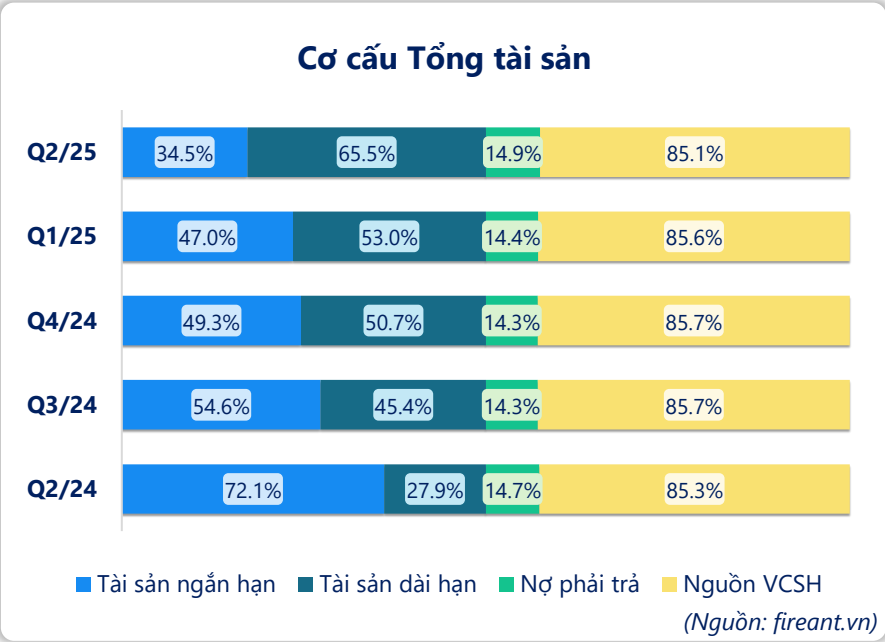
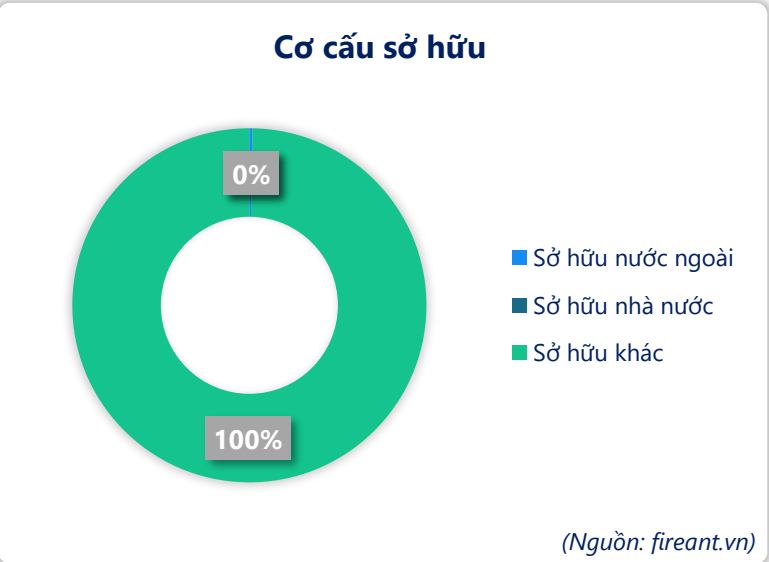
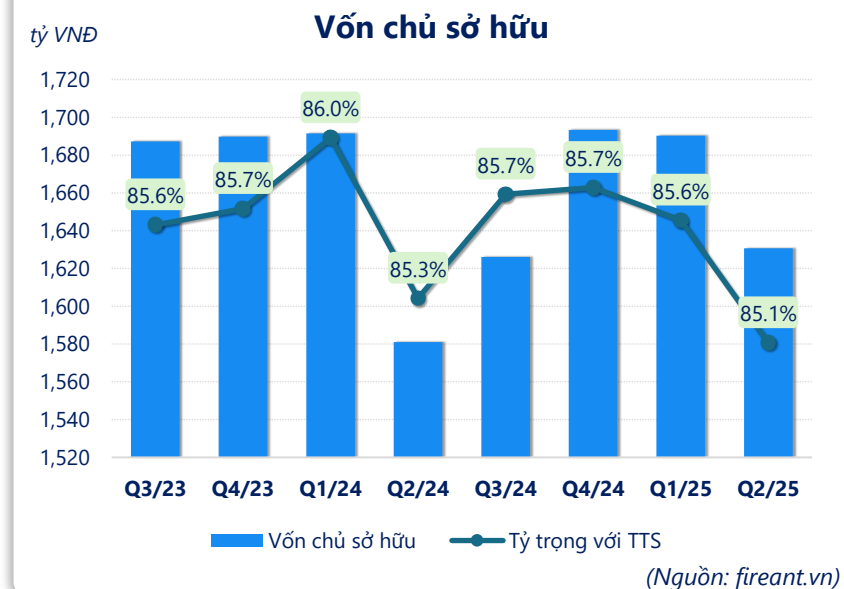
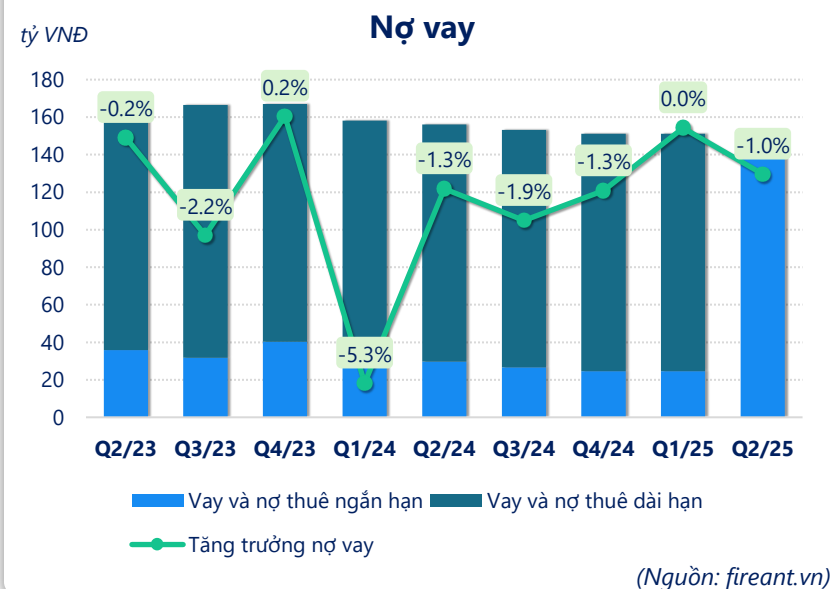
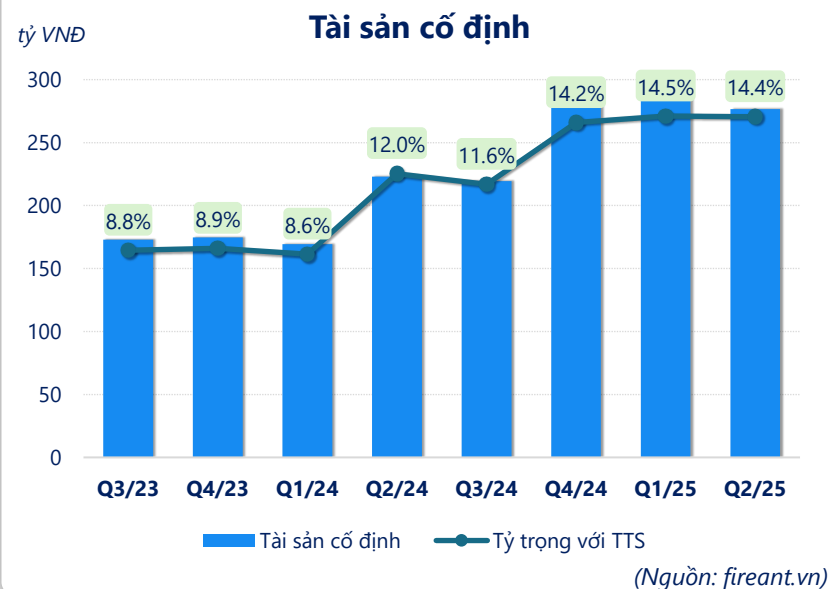
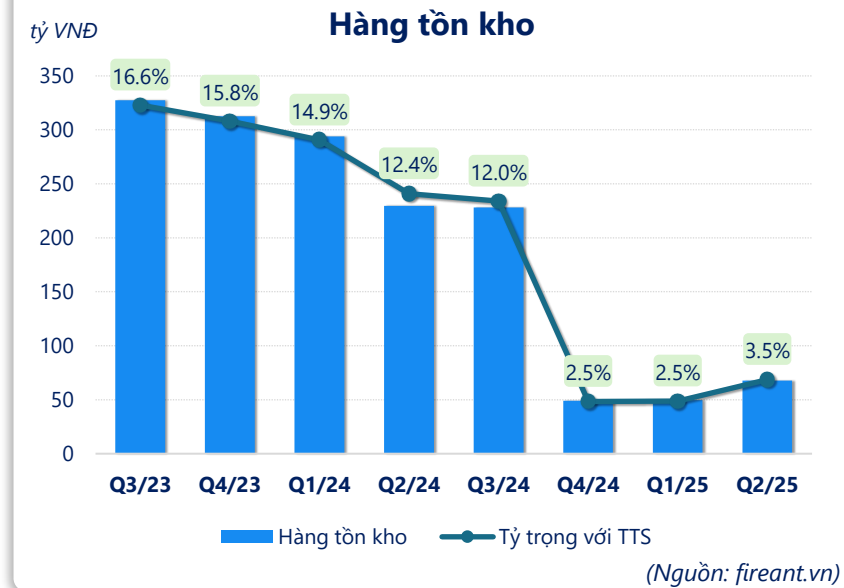
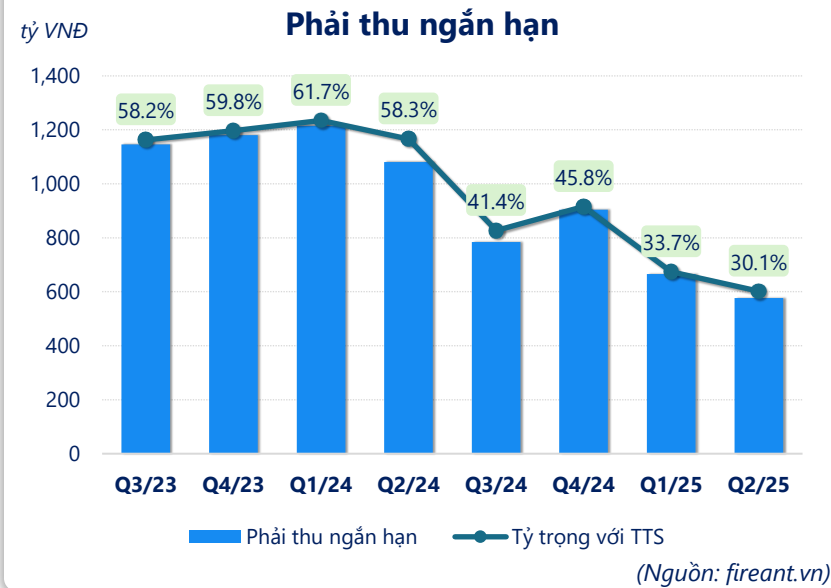
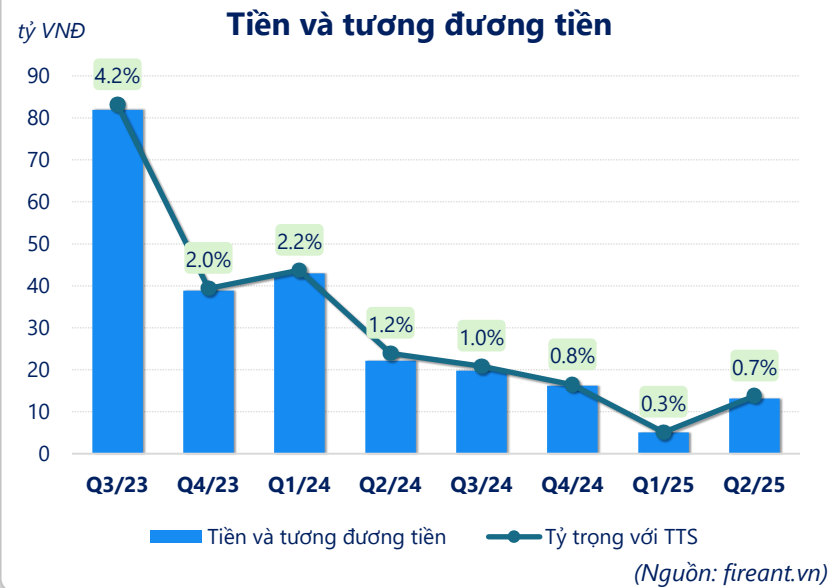
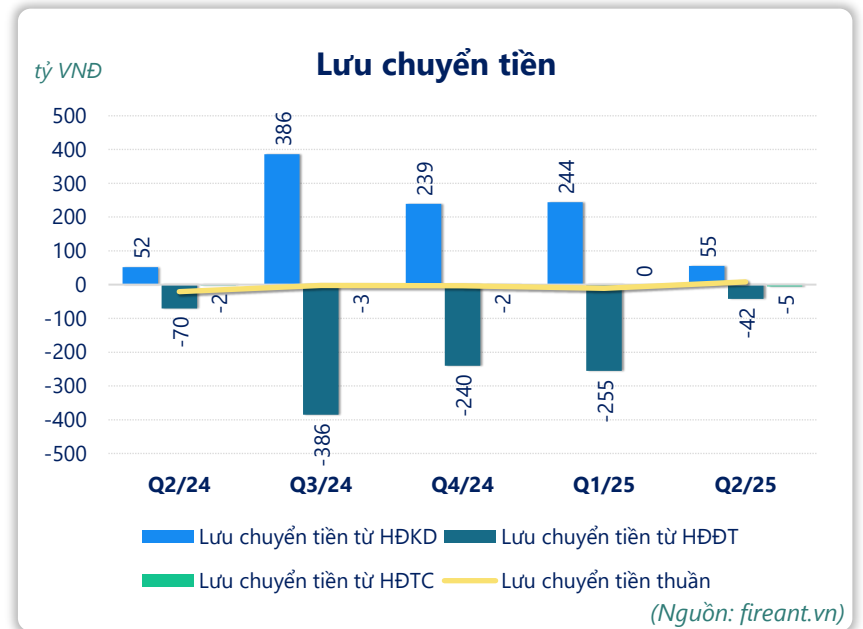
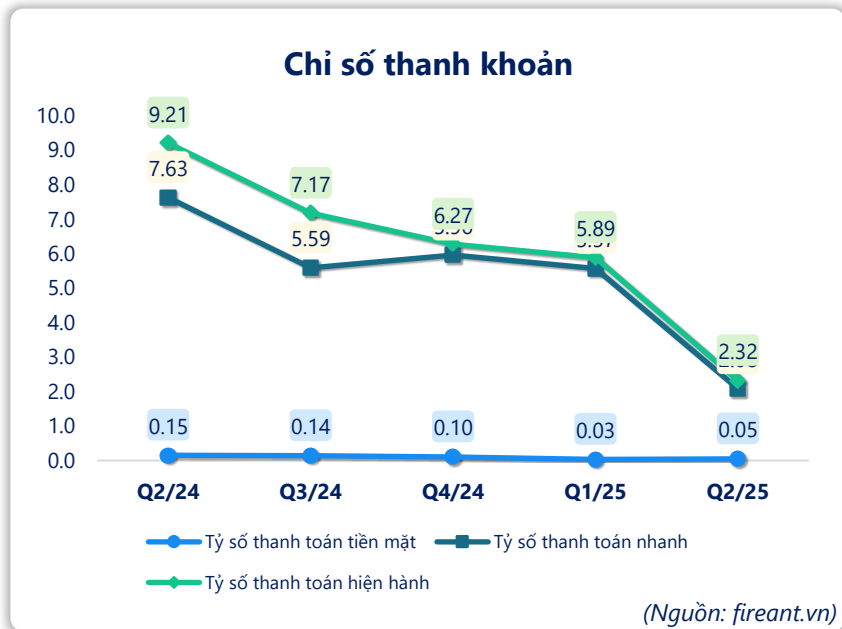
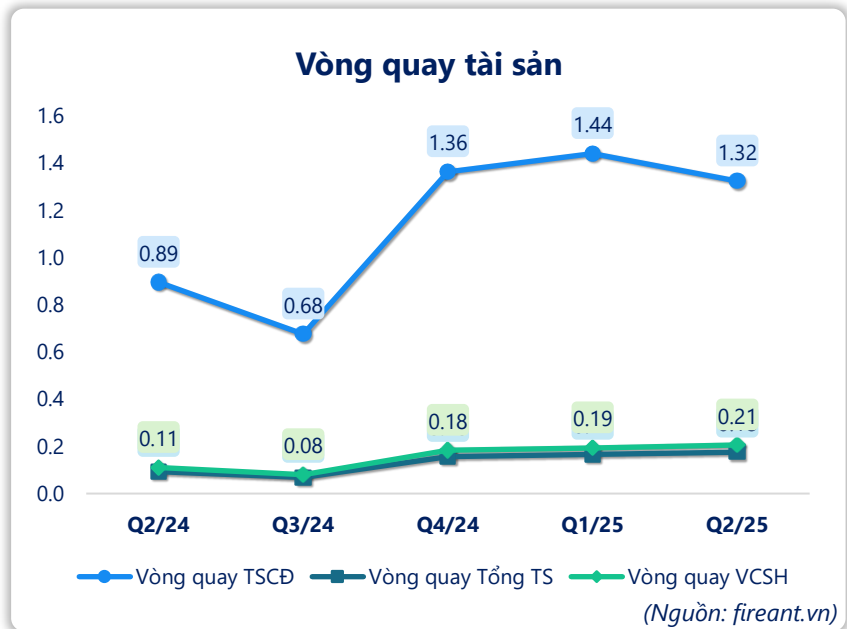
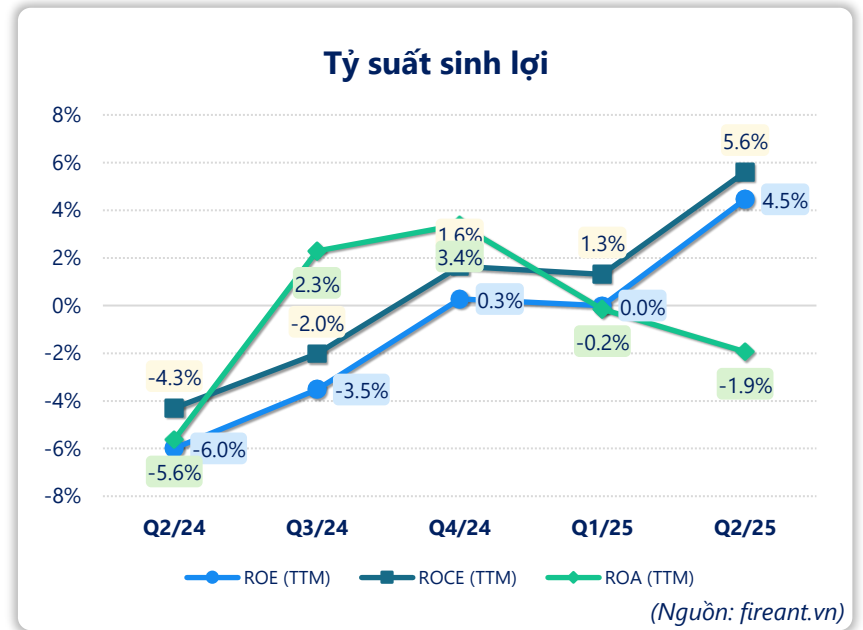
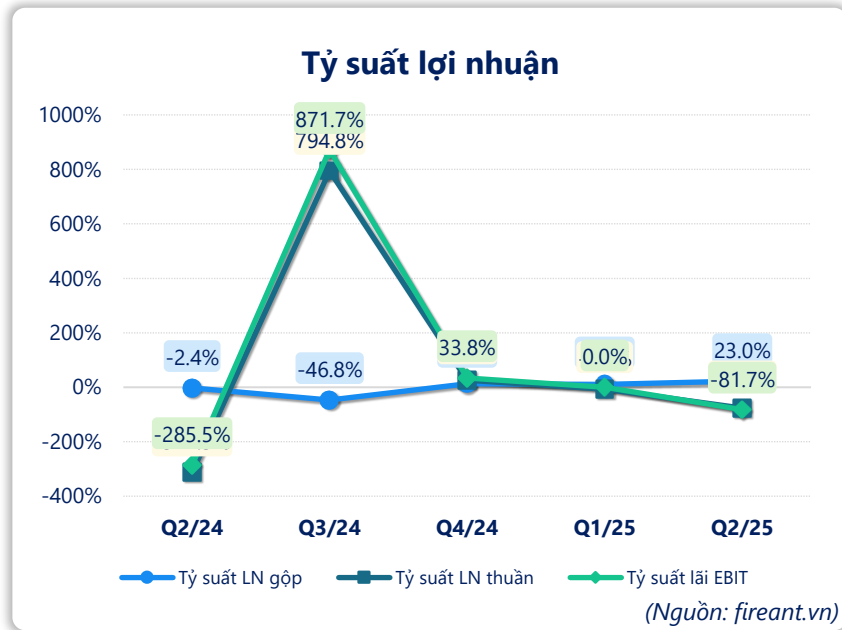
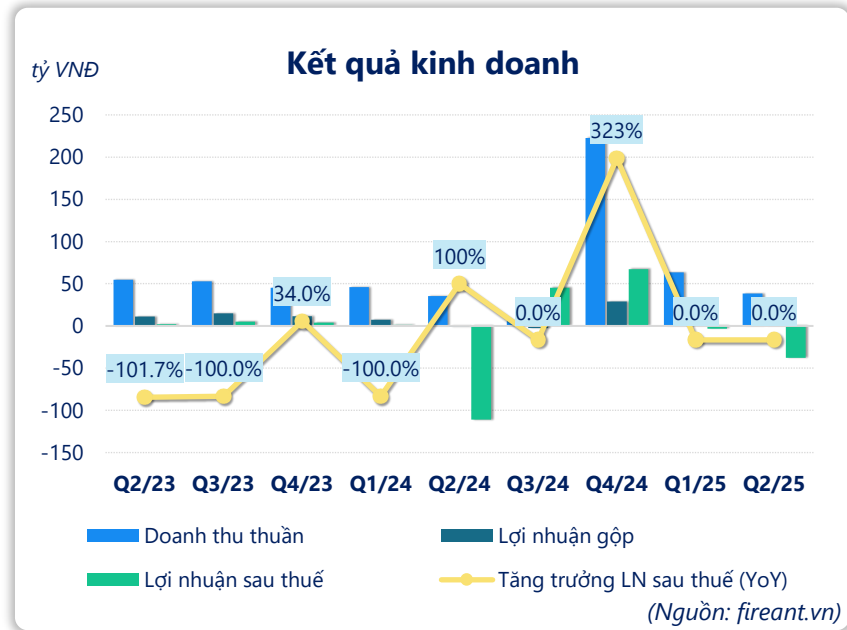


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		2,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		3,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		1,400
SL cổ phiếu LH		131,105,650
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		262
P/E		3.7
EPS		546

	YTD	1T	3T	6T
AMV	33.3%	0.0%	0.0%	33.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,917	1,975	-3.0%
Tài sản ngắn hạn	662	973	-31.9%
Tiền và tương đương tiền	13.2	16.2	-18.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.10	0.10	0.0%
Phải thu ngắn hạn	577	904	-36.2%
Hàng tồn kho	67.7	49.1	37.9%
Tài sản ngắn hạn khác	4.19	3.59	16.6%
Tài sản dài hạn	1,254	1,002	25.2%
Phải thu dài hạn	211	61.9	241%
Tài sản cố định	277	280	-1.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	28.7	37.2	-22.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	735	620	18.5%
Tài sản dài hạn khác	2.76	2.51	10.1%
Lợi thế thương mại	0.41	0.28	47.9%
Nợ phải trả	286	282	1.5%
Nợ ngắn hạn	286	155	84.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	150	24.6	508%
Phải trả người bán ngắn hạn	25.3	15.2	65.8%
Nợ dài hạn	0.34	127	-99.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	127	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,631	1,693	-3.7%
Vốn chủ sở hữu	1,631	1,693	-3.7%
Vốn điều lệ	1,311	1,311	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	35.5	5.71	223	63.6	38.5
Giá vốn hàng bán	36.3	8.38	194	56.6	29.6
Lợi nhuận gộp	-0.84	-2.67	28.9	6.94	8.85
Doanh thu HĐTC	0.13	0.42	0.75	0.41	1.01
Chi phí TC	11.1	4.67	5.02	5.44	3.84
Chi phí lãi vay	9.67	4.44	5.04	4.20	5.04
LN trong công ty LKLD	0	-0.22	-1.57	-1.45	-1.18
Chi phí bán hàng	-1.41	0.16	0.14	0.14	0.14
Chi phí QLDN	100	-52.7	-34.2	4.47	34.3
LN thuần từ HĐKD	-111	45.4	57.1	-4.15	-29.6
Lợi nhuận khác	-0.10	-0.05	13.1	-0.02	-6.87
LN trước thuế	-111	45.3	70.2	-4.17	-36.5
Lợi nhuận sau thuế	-111	45.3	67.3	-3.39	-37.6
LNST của CĐ cty mẹ	-108	44.3	67.1	-3.07	-36.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	51.6	386	239	244	55.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-70.3	-386	-240	-255	-42.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.10	-3.00	-2.10	0	-4.95
Tiền đầu kỳ	43.0	22.2	19.8	16.2	5.05
Lưu chuyển tiền thuần	-20.8	-2.39	-3.58	-11.1	8.11
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	22.2	19.8	16.2	5.05	13.2

(Nguồn: fireant.vn)